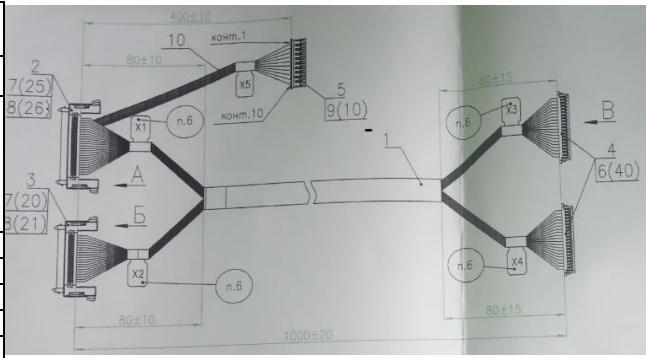


Part number	LVDS-FI-RE51HL-FI-RE41HL-DF13-40DS-PHR-10-1000
Type	LVDS cable
Description	Customer LVDS cable, CON1= FI-RE51HL CON2=FI-RE41HL, CON3,CON4 =DF13-40DS, CON5=PHR-10 length = 1000 mm
Length	1000
Connector X1	FI-RE51HL
Connector X2	FI-RE41HL
Connector X3	DF13-40DS
Connector X4	DF13-40DS
Connector X5	PHR-10



Connector X1 FI-RE51HL		Connector X2 FI-RE41HL	
1	GND	1	
2		2	
3		3	
4		4	
5		5	
6		6	
7		7	
8		8	
9		9	GND
10		10	R3_ON
11	GND	11	R3_OP
12	R1_ON	12	R3_1N
13	R1_OP	13	R3_1P
14	R1_1N	14	R3_2N
15	R1_1P	15	R3_2P
16	R1_2N	16	GND
17	R1_2P	17	R3_CLKN
18	GND	18	R3_CLKP
19	R1_CLKN	19	GND
20	R1_CLKP	20	R3_3N
21	GND	21	R3_3P
22	R1_3N	22	
23	R1_3P	23	
24		24	GND
25		25	GND
26	GND	26	R4_ON
27	GND	27	R4_OP
28	R2_ON	28	R4_1N
29	R2_OP	29	R4_1P
30	R2_1N	30	R4_2N
31	R2_1P	31	R4_2P
32	R2_2N	32	GND
33	R2_2P	33	R4_CLKN
34	GND	34	R4_CLKP
35	R2_CLKN	35	GND
36	R2_CLKP	36	R4_3N
37	GND	37	R4_3P
38	R2_3N	38	
39	R2_3P	39	
40		40	GND
41		41	GND
42	GND		
43	GND		
44	GND		
45			
46	VCC		
47	VCC		
48	VCC		
49	VCC		
50	VCC		
51	VCC		

top view Connector X3 DF13-40DS				top view Connector X4 DF13-40DS			
2			1	2			1
4	GND	GND	3	4	GND	GND	3
6			5	6			5
8	R1_ON	R2_ON	7	8	R3_ON	R4_ON	7
10	R1_OP	R2_OP	9	10	R3_OP	R4_OP	9
12	GND	GND	11	12	GND	GND	11
14	R1_1N	R2_1N	13	14	R3_1N	R4_1N	13
16	R1_1P	R2_1P	15	16	R3_1P	R4_1P	15
18	GND	GND	17	18	GND	GND	17
20	R1_2N	R2_2N	19	20	R3_2N	R4_2N	19
22	R1_2P	R2_2P	21	22	R3_2P	R4_2P	21
24		GND	23	24	GND	GND	23
26	R1_CLKN	R2_CLKN	25	26	R3_CLKN	R4_CLKN	25
28	R1_CLKP	R2_CLKP	27	28	R3_CLKP	R4_CLKP	27
30			29	30		GND	29
32			31	32			31
34			33	34			33
36	R1_3N	R2_3N	35	36	R3_3N	R4_3N	35
38	R1_3P	R2_3P	37	38	R3_3P	R4_3P	37
40			39	40			39

Connector X5 PHR-10	
1	GND
2	GND
3	GND
4	GND
5	VCC
6	VCC
7	VCC
8	VCC
9	VCC
10	VCC

